

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 151/TTr-SNN ngày 28 tháng 10 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (cấp tỉnh) lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Lào Cai (Cổng dịch vụ công) theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/11/2022. Bãi bỏ 01 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC (quy trình số thứ tự 12) được phê duyệt tại Quyết định số 4165/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt 27 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 4 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VNPT Lào Cai;
- Lưu:VT, KSTT<sub>2</sub>.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Xuân Trường**

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG 01 QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÀO CAI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)*

**I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Ký hiệu</b>
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	QT-01

**II. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Quy trình: QT-01**

**a) Tên quy trình:** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

**b) Nội dung quy trình:**

<b>b.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thú y ngày 19/6/2015;</li><li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;</li><li>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;</li><li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</li><li>- <i>Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;</i></li><li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</li></ul>

b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
<i>b.2.1</i>	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích</i>		
	- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT	x	
	- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT	x	
	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký)		x
	- Chứng chỉ hành nghề thú y đối với người quản lý, người trực tiếp buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).		x
<i>b.2.2</i>	<i>Thành phần hồ sơ nộp qua môi trường mạng (nếu có)</i>		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
<b>b.3</b>	<b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>		
	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;</li> <li>- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;</li> <li>- Có đủ quây, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại;</li> <li>- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên</li> </ul>		

	nhân sản phẩm.			
	<b>Yêu cầu điều kiện thực hiện:</b> Không			
<b>b.4</b>	<b>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</b> 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
	<b>Thời gian đăng ký cắt giảm:</b> 02 ngày làm việc (Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)			
	<b>Tổng thời gian xử lý sau khi thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết:</b> 06 ngày làm việc			
<b>b.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và PTNT). - Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công.			
<b>b.6</b>	<b>Phí, lệ phí:</b> Phí kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: <b>230.000 đồng/lần</b>			
<b>b.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
Bước 1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Công chức Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01 - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03 – Phiếu từ chối tiếp

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</li> <li>+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả</li> <li>- Chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý dịch bệnh – Chi cục Chăn nuôi và Thú y</li> </ul>	công		<ul style="list-style-type: none"> <li>nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</li> <li>- Mẫu số 02 – Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</li> <li>- Mẫu số 05 – Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</li> <li>- Mẫu số 06 – Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</li> <li>- Bộ hồ sơ</li> </ul>
Bước 3	<p>Tiếp nhận, phân công công chức xử lý hồ sơ</p>	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đề nghị</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05 – Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)</li> </ul>
	<p>Chuyên viên tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hồ sơ:</li> <li>+ Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do.</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành kiểm tra điều kiện cơ sở; dự thảo giấy chứng nhận (hoặc</li> </ul>	Công chức Phòng chuyên môn	04 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đề nghị</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</li> <li>- Dự văn bản tài liệu liên quan</li> <li>- Công văn phúc đáp (nếu có)</li> </ul>

	công văn phúc đáp) - Trình Lãnh đạo phòng xem xét.			
	Kiểm duyệt hồ sơ: - Nếu đồng ý: Kiểm duyệt hồ sơ - Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Kiểm duyệt Dự văn bản tài liệu liên quan - Kiểm duyệt công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	Ký duyệt Giấy chứng nhận: - Nếu đồng ý: Ký duyệt - Nếu không đồng ý: Chuyển trả cơ quan chuyên môn	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (hoặc công văn phúc đáp)
Bước 5	<b><i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại thời gian trả kết quả</i></b>	- Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Chuyên viên được phân công tham mưu văn bản	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN và PTNT tại Trung tâm phục vụ hành chính công	- Bộ phận văn thư - Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Mẫu số 05 - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (TT số 01/2018/TT-VPCP) - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Bước 7	Tiếp nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải

		và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công		quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê và theo dõi</li> <li>- Lưu hồ sơ theo quy định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công</li> <li>- Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ</li> </ul>	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</li> <li>- Sổ theo dõi hồ sơ</li> <li>- Hồ sơ lưu theo quy định</li> </ul>
<b>Tổng thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc.</b>				